Cảm nhận về bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Sưu tầm chọn lọc những bài văn hay Phân tích và nêu cảm nhận của anh chị về bài thơ Thương vợ của Tú Xương - Văn mẫu lớp 11

Đề bài: Nêu cảm nhận của anh chị về bài thơ "Thương vợ" của nhà thơ Tú Xương.

Bài phát biểu cảm nghĩ của học sinh lớp 11 THPT Lê Qúy Đôn

Nhắc đến những nhà thơ trào phúng trung đại thì người ta nhớ đến đầu tiên có lẽ là Trần Tế Xương. Quả thật thơ ông mang những nét trào phùng đặc biệt nhất, nó không nhẹ nhàng nhưng thâm thúy sâu cay như Nguyễn Khuyến mà nó sâu cay, cười mỉa mai trước những cái sự đời. Cũng giống như Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương cũng có bài thơ tự cười mình, không chỉ cười xã hội mà ông còn cười chính bản thân mình. Và cũng chính vì thế mà Nguyễn Khuyến có bài tự trào thì Trần Tế Xương cũng có bài *Thương vợ*. Nhan đề bài thơ gợi lên cho ta tình cảm của nhà thơ dành cho người vợ mình nhưng đồng thời nội dung bài thơ còn thể hiện một tiếng cười về bản thân bất tài vô dụng của Trần Tế Xương.

Hai câu thơ mở đầu Trần Tế Xương đã kể lên những nỗi vất vả của người vợ thương yêu của mình. Đó là sự vất vả được hiện lên và mục đích của công việc ấy:

"Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng"

Hình ảnh người vợ của Trần Tế Xương hiện lên giống như những người phụ nữ, người mẹ nào trong hình dáng người phụ nữ ngày xưa với cái nghề buôn bán. Chỉ cần có thế mà biết bao nhiêu hình ảnh giản dị hay lam hay làm của người phụ nữ xưa hiện ra. Đó là hình ảnh người phụ nữ áo nâu váy đụp gánh tất cả những hàng hóa trên đôi vai nhỏ bé của mình ra chợ rồi lại từ chợ về nhà. Người vợ của nhà thơ hiện lên cũng với hình ảnh ấy và công việc ấy đặc biệt rằng công việc ấy được diễn ra thường xuyên qua hai từ "quanh năm". Người phụ nữ ấy làm việc vất vả quanh năm cũng chỉ một công việc đó từ năm này qua năm khác. Thế nhưng địa điểm không phải trên những mặt đất bằng phẳng mà lại ở mom sông gợi sự vất vả, nguy hiểm. Như vậy vợ nhà thơ là một người không những vất vả mà còn phải đối mặt với nguy hiểm. Thế nhưng bà Tú làm như vậy để được gì, không chỉ nuôi bản thân mình mà bà Tú còn phải nuôi đủ" năm con với một chồng". Ở đây nhà thơ đang tự cười chính bản thân mình. Chồng cũng trở thành một con số đếm ngang hàng với những đứa con trong gánh nặng của người vợ. Không những thế còn là "nuôi đủ" càng chứng tỏ gánh nặng của người vợ kia. giờ đây quang gánh kia không chỉ đơn giản là những mặt hàng của bà nữa mà trên đó còn có cả năm con với một người chồng.

Sang hai câu thơ tiếp theo người chồng gánh nặng kia lại tiếp tục thể hiện lòng thương vợ của mình và những vất vả mà bà Tú phải trải qua hàng ngày:

Cảm nhận về bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

"Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông."

Ông chồng người mà được coi là trụ cột của gia đình không chỉ về tinh thần mà còn về kinh tế nhưng giờ đây lại là gánh nặng của vợ mình. Bà Tú phải lặn lội với những nguy hiểm khi đi vào những con đường vắng mà chỉ có một mình. Hình ảnh con cò trong câu ca dao xưa tượng trưng cho người phụ nữ nghèo khổ lại được nhà thơ sử dụng trong bài thơ của mình. Không biết rằng có biết bao nhiêu những khó khăn và nguy hiểm đang rình dập và nuốt lấy vợ mình. Vượt qua những nguy hiểm khó khăn ấy bà Tú vẫn đi đến chợ mom sông trên những buổi đò eo sèo những lời của người mua kẻ bán. Họ đang mặc cả với nhau từng đồng một để lo cho gia đình mình.

Và rồi nhà thơ nói đến duyên phận của mình với vợ và như thay vợ nói lên cái thở dài chán nản trước một người chồng mà lại gánh nặng như một người con thứ sau trong nhà:

"Một duyên, hai nợ, âu đành phận,

Năm nắng, mười mưa, dám quản công. "

Người xưa hay có quan niệm về duyên và nợ, hai người lấy nhau thì là có duyên có nợ từ kiếp trước, còn yêu nhau mà không lấy được nhau thì đó là có duyên nhưng không có nợ. Ở đây bà Tú lại có duyên có cả nợ với nhà thơ nên mới chịu cảnh khó khăn khổ cực như thế. Một chữ duyên, hai chữ nợ, thôi thì đành phận với nhau. Nhà thơ lại thể hiện sự vất vả của vợ mình qua "năm nắng, mười mưa". Câu thơ ấy như gợi lên sự khó nhọc mà trong ca dao cũng nhắc đến như " một nắng hai sương". Có thể thấy rằng chính cái số đếm cụ thể ấy đã làm nổi bật lên sụ khó nhọc của bà Tú. Thế nhưng Bà Tú còn hiện lên đẹp hơn khi không quản công gánh nặng ấy. bà thương chồng thương con và hi sinh cho chồng con mà không một lời than vãn.

Nhưng chính sự không than vãn và đức hi sinh ấy khiến cho nhà thơ không thể nào yên lòng được:

"Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:

Có chồng hờ hững cũng như không!"

Thương vợ Trần Tế Xương cũng như đang tự cười bản thân mình và hai câu thơ cuối này là tiếng chửi to nhất, sâu cay nhất. Tác giả tự tháy bản thân mình ăn ở bạc không thể giúp đỡ được gì cho người vợ chân yếu tay mềm hơn minh rất nhiều. ngẫm thấy có chồng cũng như không. Phải chăng nhà thơ đang chửi rủa dằn vặt chính bản thân mình vì không thể nào giúp đỡ cho vợ?.

Cảm nhận về bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Qua đây ta thấy nhà thơ Trần Tế Xương thể hiện sự thương vợ sâu sắc. Bài thơ giống như một bức thư, một dòng nhật kí mà nhà thơ muốn gửi đến vợ mình. Đặc biệt bản thân ông ý thức rõ được sự vô dụng của mình mà tự thấy xấu hổ mà tự chửi chính mình. Nói tóm lại dù thế nào đi nữa thì qua đây chúng ta cũng biết được tâm trạng và tình cảm của Trần Tế Xương dành cho vợ mình.

Những bài văn hay chọn lọc qua các kì thi

Bài số 1:

Trong lịch sử văn học nước ta xưa nay, thơ viết về vợ vốn không nhiều. Do đó, thơ hay nghĩa là viết chân thật, sâu sắc và xúc động về đề tài này lại càng hiếm hoi. Vì vậy có thể xem Trần Tế Xương là một trường hợp đặc biệt. Trong thơ mình, ông nói đến vợ rất nhiều lần.

Khi thì lăm le bia đá bảng vàng cho vang mặt vợ. Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ. Đem chuyện trăm năm giở lại bàn. Khi thì Vuốt râu nịnh vợ con bu nó. Lại có lúc Viết vào giấy dán ngay lên cột. Hỏi mẹ mày dốt hay hay. Cao hứng và ngông nghênh hơn, nhà văn đã viết văn tế để tế sống vợ. Nhưng đỉnh cao mảng thơ này của ông phải nói là bài thơ Thương vợ:

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng

Lặn lội thăn cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

Một duyên hai nợ âu đành phận

Năm nắng mười mưa dám quản công

Cha mẹ thói dời ăn ở bạc

Có chồng hờ hững cũng như không!

Đây là một bài thơ trữ tình - trào phúng đậm sắc dân gian đầy cảm động. Để bộc lộ lòng thương quý, biết ơn và trân trọng vợ mình, nhà thơ đã cực tả nỗi nhọc nhằn lao khổ của bà, người đàn bà đã một thân một bóng tần tảo nuôi con và chồng. Qua đây, ông ca ngợi đức tính đảm đang, lòng hi sinh thầm lặng cao cả một bậc hiền phụ.

Trong hai câu thơ đầu, Tú Xương đã nói về sự vất vả và nhẫn nại của vợ mình một cách

tự nhiên, thân mật, dí dỏm và hóm hỉnh. Ông vừa giới thiệu cái gánh nặng chồng con trên vai bà vừa cho thấy một cách gián tiếp tình cảm sâu nặng của mình dành cho vợ:

Quanh năm buôn bán ở mom sông

Nuôi đủ năm con với một chồng

Hai câu thơ là một lời chấm công. Trong câu thơ đầu, bản thân công việc buôn bán tuy chưa đủ thể hiện được sự vất vả hay nhẫn nại nhưng hoàn cảnh thời gian (quanh năm) và hoàn cảnh không gian (ở mom sông) thì lại nói khá rõ về điều đó.

Quanh năm, chỉ hai tiếng ấy thôi cũng đã chứa đựng biết bao nhiêu là thời gian nối tiếp nhau triền miên không dứt, suốt từ đầu năm đến cuối năm, cho dù mưa gió, nắng nôi, lúc nào cũng như lúc nào, bà vẫn miệt mài buôn bán. Đó là hoàn cảnh thời gian. Còn hoàn cảnh không gian, còn chỗ làm ăn? Đó là mom sông. Mom sông theo giáo sư Lê Trí Viễn là một địa thế thừa của đất liền ba bề là nước, đổ ùm xuống sông lúc nào không biết chừng (Lê Trí Viễn - Những bài giảng văn ở Đại học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1982). Bà Tú đã phải ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác, năm này qua năm khác, buôn bán làm ăn ở cái mom sông chênh vênh không vững vàng gì ấy.

Vì sao bà phải vất vả đến như vậy? Câu thơ thứ hai đã trả lời rõ:

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Nhà thơ đã nâng cao vợ mình lên hàng trụ cột của gia đình. Cả một gánh nặng sinh kế đã đặt lên vai người phụ nữ. Bà quanh năm khó nhọc, vất vả, bất kể nguy hiểm, gian nan là để nuôi đủ năm con và một chồng nghĩa là sáu miệng ăn hết thảy chưa kể cả chính mình. Nhưng đồng thời ông cũng đã tự hạ mình xuống thành ngang hàng với lũ con, nói đúng hơn là ông đứng cuối hàng sau năm con để thành ra thứ sáu Với một chồng thể hiện rõ ra ông là ăn theo, ăn ké lũ con. Nhà thơ tự thấy mình là gánh nặng của vợ. Cách nói ấy hàm ý vừa biết ơn vừa tự hào mà lại có chút gì đó hối hận, ăn năn, mỉa mai mình một cách thâm trầm hóm hỉnh.

Tiếp theo là hai câu thực nhà thơ đã thể hiện tình thương vợ của mình bằng cách miêu tả cái vất vả, gian nan mà cũng là cái đảm đang của bà Tú:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông

Mượn hình ảnh cô đơn, vất vả của con cò trong ca dao xưa: con cò lặn lội bờ sông... ông trau chuốt thêm bằng bàn tay nghệ sĩ tài hoa của mình. Nếu ca dao thường dùng hình ảnh con cò để so sánh, ví von gián tiếp về người phụ nữ, nói rõ hơn là người vợ, người mẹ

cặm cụi tảo tần thì ở đây Tú Xương đã đồng nhất trực tiếp thân cò với thân phận người vợ. Nhà thơ lại dùng phép đảo ngữ *Lặn lội thân cò* để nhấn mạnh vào sự vất vả, lam lũ của vợ mình. Đã vậy cái khung cảnh không gian kiếm ăn của thân cò ở đây không phải chỉ là một cái bờ sông bất kì nào, có thể nhộn nhịp đông vui hay lặng lẽ, buồn thiu mà lại được nhà thơ xác định rõ là quãng vắng. Tất cả những điều vừa phân tích đều nhằm để nói và đã nói được cái vất vả gian truân thầm lặng của người vợ mang số phận thân cò.

Câu thơ tiếp theo nói thêm sự vật lộn với sinh kế của bà Tú. Gặp phải buổi đò đông (bến đông đò hay đò đông người) bà đều phải chịu cảnh bị xô đẩy, tranh giành nhau lời qua tiếng lại eo sèo để mặc cả mua bán như ai. vốn con nhà dòng dõi, chẳng gì cũng là bà Tú vậy mà cũng phải lấm láp, phong trần. Nhà thơ hơn ai hết đã thầm cảm thương cho cảnh ngộ và cả sự hi sinh thầm lặng của vợ mình. Chỉ vì gánh nặng áo cơm của chồng con mà bà Tú đã xông pha quên cả hiểm nguy, khó nhọc... Câu thơ này tuy không trực tiếp trích lời ca dao nhưng vẫn đâu đây thấp thoáng ý tình: Con đi mẹ dặn lời này, Sông sâu chớ lội, đò đầy khoan sang. Đó là lời dặn thân gái phải giữ mình. Song ở đây chỉ vì chồng con mà bà Tú phải đành lòng làm ngơ trước lời dặn ấy.

Chỉ với hai câu thơ bằng những từ ngữ gợi tả và cảm động, Tú Xương làm hiện lên rõ nét hình ảnh một người vợ thui thủi làm ăn, một mình toan lo lặn lội trong những khung cảnh không gian và hoàn cảnh thời gian vất vả, gian nan nhất, đáng thương và đầy ái ngại nhất. Nhiều người cũng cho rằng đây là hai câu thơ hay nhất của bài thơ. Theo giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh, với hai câu thơ này Tú Xương chẳng những đã khái quát được nỗi vất vả, cơ cực, nhọc nhằn của bà Tú mà còn gợi lên được khung cảnh buôn bán nơi bãi chợ bến sông của tỉnh Nam Định một thời.

Nếu bốn câu thơ đầu vừa phân tích hoàn toàn là lời ông Tú nói về vợ mình thì bốn câu sau lại thể hiện giọng bà Tú tự than thân, trách phận chính mình. Nói đúng hơn là đến đây nhà thơ không đứng ngoài khách quan để miêu tả nữa, ông đã nhập thân vào nhân vật thảo ra lời bà vợ để than thở giùm bà một cách chủ quan hơn:

Một duyên hai nợ âu đành phận

Năm nắng mười mưa dám quản công

Duyên, tiếng nhà Phật có nghĩa rất rộng. Trong mối quan hệ vợ chồng, duyên là cái căn nguyên từ trước, do đó, mà vợ chồng lấy được nhau hoặc lấy phải nhau. Từ ý nghĩa vừa nói, dân gian ta đã làm thành một cặp khái niệm đối lập nhau: duyên và nợ (Một duyên, hai nợ, ba tình. Duyên dì anh nợ gì tôi, chẳng qua là cái nợ đời chi đây...). Như vậy trong dân gian Một duyên hai nợ là chỉ sự may rủi của đời người con gái. Nhưng ở đây trong thế đối ngẫu với câu dưới. Một duyên hai nợ trong câu thơ của Tú Xương lại có ý nghĩa khác hẳn: một, hai không còn là số đếm nữa mà là số tính, số nhân: duyên chỉ có một mà nợ đến những hai duyên thì ít mà nợ thì nhiều. Bà Tú lấy được ông Tú ngẫm cho kĩ đó cũng là duyên. Ông cũng đỗ đạt hơn người thường một chút. Chỉ có vậy thôi. Chứ còn

Cảm nhận về bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

ông là chồng mà lại dở dở ương, khoán trắng

Tiền bạc phó cho con mụ kiếm; Hỏi ra quan ấy ăn lương vợ... thì đúng là một thứ nợ đời. Duyên thì ít mà nợ thì nhiều là như vậy.

Cái vất vả, cực nhọc của lặn lội thân cò ở câu thơ trên đến đây đã được nâng lên thành cái vất vả, cực nhọc của một số phận là định mệnh của cả một kiếp người nên nặng nề và cay cực biết bao. Đã là số phận thì phải âu đành. Âu có nghĩa là cam mà đành cũng là cam. Một câu thơ mà những hai lần cam chịu. Vì cam chịu nên Năm nắng mười mưa dám quản công là vậy. Cho dầu nắng mưa đến mấy (Năm nắng mười mưa) bà vẫn không chút e ngại, chẳng tiếc chi công sức của mình. Dám quản công là không những chỉ có ý nghĩa như vừa nói mà còn cho thấy ý khiêm nhường. Nổi lên thêm từ hai câu thơ là đức tính hi sinh, nhẫn nhịn âm thầm của bậc hiền phụ. Đây cũng là đức tính truyền thống của người phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay. Đã thấy tấm lòng thương vợ của nhà thơ là thấm thía và sâu sắc biết mấy.

Sau cùng, hai câu kết của bài thơ là một lời chửi rủa:

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc

Có chồng hờ hững cũng như không!

Thác lời của bà Tú, nhà thơ đã chửi rủa chính cái bạc bẽo và cái vô tích sự của người chồng nghĩa là của chính mình. Tất cả nỗi thương vợ cùng với sự bất lực giận mình, giận đời đã lắng đọng trong tiếng chửi rủa đầy day dứt, xót xa kia. Nhưng thực sự ông có bạc bẽo, hờ hững với vợ mình không? Điều này khó trả lời.

Nhưng ngẫm cho cùng, bài thơ này đã giải đáp phần nào câu hỏi ấy. Hơn nữa, tự coi mình cũng như không cũng như một người thừa, một kẻ hờ hững sống đấy mà cũng như đã chết thì tuy đó là lời rủa mình nhưng cũng là lời ca ngợi và đề cao công ơn của vợ. Tuy là một lời chửi rủa nhưng hai câu thơ kết vẫn đượm thắm màu sắc vui đùa. Nhà thơ phán xét tự trách mình cũng là cách biểu hiện sự thương cảm sâu xa với vợ. Ông nói ăn ở bạc nhưng lòng ông không bạc, không hờ hững với bà chút nào cả.

Như vậy Thương vợ đúng là một bài thơ hay cho ta hình dung được nỗi lòng thương yêu mênh mông chân thành và sâu sắc của nhà thơ đôi với người vợ chịu thương, chịu khó, hi sinh, khó nhọc, vất vả một cách lặng thầm vì gánh nặng chồng con. Với một bài thơ trữ tình giàu hình ảnh, nhạc điệu, ngôn ngữ tự nhiên, dân dã, nhà thơ không những đã thể hiện được tình cảm ấy của mình mà còn tạo nên được một bức chân dung bất hủ có tính truyền thống của người phụ nữ Việt Nam với đầy đủ các đức tính đáng quý là đảm đang, cần cù, nhẫn nại, hi sinh.

Bài số 2:

Cảm nhận về bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Nói đến thơ trào phúng không ai có thể quên ông, một giọng thơ đã kích, phê phán sắc sảo, cay độc, mạnh mẽ hiếm có. Chế Lan Viên từng viết: "Tú Xương cười như mảnh vỡ thủy tinh". Nhưng Trần Tế Xương không chỉ là một nhà thơ hiện thực chủ nghĩa như vậy, nói như Nguyễn Tuân, chất hiện thực ấy chỉ là "chân trái", còn "chân phải" của ông là chất trữ tình. Trân trọng cảm phục và nhớ tới thơ Tú Xương nhiều hơn có lẽ do người đời được nghe nhịp đập của một trái tim chân thành, giàu cảm xúc, biết trọng nhân cách, mang một nỗi đau vời vợi không nguôi. Buồn vì không có tiền để giúp một người ăn mày, một đồng bào cùng cảnh ngộ, ông thề độc: "Cha thằng nào có tiếc không cho". Mang nỗi nhục nô lệ của một tri thức, ông chua chát: "*Nhân tài đất Bắc kìa ai đó! Ngoảnh cổ mà trông cảnh nước nhà*"...

Đó là ngoài xã hội, còn trong gia đình ông luôn bị dày vò bởi cảm giác thiếu trách nhiệm, Tú Xương "thương vợ", có chồng mà phải gánh vai trụ cột, ông tự xỉ vả cái vai trò "hờ hững" của mình.

Chắc rằng các cụ ông ngày xưa phần lớn là thương vợ thương con, nhưng vì một quan niệm nào đấy, thường ngại bộc lộ tình cảm của người chồng, nhất là lại thể hiện tình cảm với người vợ một cách trực tiếp qua giấy trắng mực đen, qua văn chương thì lại càng ít. Thế kỉ XIX, có hai nhà thơ cùng người thành Nam, Nguyễn Khuyến và Tú Xương, đã không ngần ngại nói lên tình thương yêu của người chồng đối với vợ ngay khi các bà còn đang sống. Nhưng về chủ đề này, Thương vợ của Tú Xương là bài thơ nổi tiếng hơn cả.

Nổi bật trong bài thơ là hình ảnh hai con người: một người vợ tần tảo giàu đức hi sinh và một người chồng biết cảm thông chia sẻ, thương yêu và quý trọng vợ rất mực.

Hai câu thơ đầu giới thiệu về nghề nghiệp của bà Tú cũng như trách nhiệm nặng nề của bà:

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Buôn bán cùng là một nghề như mọi nghề khác, người ta hành nghề để kiếm sống. Người xưa còn coi đây là nghề duy nhất nếu muốn làm giàu (phi thương bất phú). Nhưng việc buôn bán của bà Tú thì không được thế. Chẳng có cửa hàng, cửa hiệu, quán xá gì, mà chỗ bà "kinh doanh" là ở "mom sông". Hai chữ "mom sông" đã gợi lên hình ảnh một khoảnh đất nhô ra ở bờ sông, có thể nước xuống thì còn, nước lên thì mất, có thuyền qua thì thành chợ không thì thôi, cũng có thể chợ họp một lát vào buổi sáng hoặc buổi chiều. Lèo tèo đôi ba gánh hàng, chỗ dành cho người buôn thúng bán bưng, lưng vốn ít ỏi, lấy công làm lãi, chắc chắn thu nhập chẳng đáng là bao. Thế mà công việc khó nhọc ấy, bà Tú không chỉ chịu đựng một hai buổi mà phải theo đuổi "quanh năm". Chữ "quanh năm" gợi một thời gian đằng đẵng, là 12 tháng, từ tháng giêng đến tháng chạp, cũng có nghĩa là hết năm này đến năm khác. Cái công việc nặng nề ấy dường như theo đuổi bà Tú suốt cả

đời, bởi nó chẳng làm cho bà khá hơn lên để có việc khác nhàn nhã hơn hoặc phát triển việc "buôn bán" lên một cấp độ cao hơn.

Công việc thì nhọc nhằn, thu nhập thì ít ỏi, nhưng bà Tú lại phải lo lắng cho cả một gia đình sáu miệng ăn. Hơn nữa, không phải là sáu mà là "năm con với một chồng", "Năm con" là số nhiều, nhưng dù sao cũng chịu được, lo cho chúng chỉ cần bát cơm, manh áo. Nhưng ông chồng, là "một", nhưng là chi phí bằng cả năm đứa con kia. Có khi còn hơn thế nữa! Mỗi khi ông lều chõng đi thi, tiền lưng gạo bị lại đổ lên đầu vợ, chưa nói đến khi đồng chè đồng rượu, cao hứng còn lên phố đi hát, cũng tiền vợ nốt... Nhiều khoản chi như thế nhưng lúc nào bà cũng lo "đủ". Thật là đảm đang tháo vát biết chừng nào, chiều chồng biết chừng nào!

Được cái tiếng thơm ấy, thật không dễ dàng gì, bà Tú phải đổi bằng biết bao công sức:

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Câu thơ gợi hình ảnh con cò trong những câu ca dao quen thuộc:

... Con cò lặn lội bờ sông

Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non

... Con cò mà đi ăn đêm

Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao

Hình ảnh về một loài chim hiền lành, chăm chỉ âm thầm nhặt nhạnh, kiếm ăn nơi ruộng lúa, bãi sông đã trở thành biểu tượng về những người phụ nữ lam lũ suốt đời vì chồng, vì con, chẳng mấy khi nghĩ đến bản thân mình.

Trong thơ Tú Xương, không phải là con cò mà là thân cò. Không còn là một con vật cụ thể mà là thân phận, số phận, một cái gì rất mỏng manh, nhỏ bé trước biết bao vần vũ của cuộc đời (*Thương thay thân phận con rùa /Thân em như chẽn lúa đồng đòng /Thân em như hạt mưa sa...*). Yếu đuối quá, bị động quá mà luôn phải lăn lộn, bươn chải. Khi quãng vắng thì lặn lội buổi đò đông thì chịu cảnh eo sèo. Hai tính từ được đối nhau ở đầu hai câu thơ vừa giàu tính tạo hình vừa giàu tính biểu hiện. Kia một người phụ nữ gầy yếu như thân cò, gánh nặng trên vai, một thân một mình, bước trầy trật trên con đường lầy lội. Hàng cất về rồi, tránh mưa gió thì mất tiền, nên phải lặn lội ra đi. Và kia nữa cũng thân cò ấy lại phải xù lông xù cánh chao chát, cãi cọ tranh mua tranh bán, tranh xuống cho kịp đò, tranh lên cho kịp chợ. Chỗ đông người thì vã mồ hôi, quãng vắng thì trào nước mắt.

Cảm nhận về bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Nhưng đó là bà Tú trong con mắt của ông Tú, còn với bà không hề có một lời kêu ca phàn nàn mà là một thái độ chịu đựng vốn thường có của người phụ nữ phương Đông.

Một duyên hai nợ âu đành phận,

Năm nắng mười mưa dám quản công.

Những số từ được dùng rất khéo, vừa theo thứ tự tăng dần vừa đối nhau: một, hai, năm, mười, gợi được những khó khăn chồng chất ngày một tăng dần, và sức lực phi thường của người vợ, gánh vác tất cả. Thật là kiên cường nhưng sao mà tội nghiệp! Phần lớn phụ nữ nhờ chồng mà được hưởng niềm sung sướng, còn với bà Tú chỉ là thêm một món nợ cả đời. Nhập thân vào nhân vật Trần Tế Xương nói hộ những nỗi thiệt thòi của vợ nhưng đồng thời cũng thấy rõ cái đức hi sinh của người bạn đời. Kết thúc hai câu thơ cũng là sau những khó khăn được đưa ra là lời khẳng định: âu đành phận /dám quản công. Một thái độ dứt khoát, một sự chấp nhận không cần bàn cãi, một cách ứng xử hiển nhiên. Người phụ nữ Việt Nam là vậy, bà Tú Xương là vậy, họ coi "giang sơn nhà chồng" là việc của mình, họ tự nguyện gánh vác không so đo oán than.

Bà chỉ âm thầm chịu đựng, cho nên ông Tú đã trách hộ bà:

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc,

Có chồng hờ hững cũng như không.

Lời thơ như là tiếng chửi. Mà là chửi thật: "Cha mẹ thói đời..." Không phải là người vợ chịu nhiều vất vả thiệt thòi chửi mà người chồng tự chửi mình đấy thôi. Chữ "hờ hững" nghe sao mà chua chát. Bà Tú lấy phải một ông chồng bạc bẽo, chẳng giúp gì cho gia đình, cho vợ, chẳng làm được trụ cột lại còn để vợ phải nuôi báo cô. Thật là có chồng mà như không có, thậm chí còn khổ hơn không chồng. Câu thơ có chút vị đắng trong thơ *Lấy lẽ* của Hồ Xuân Hương:

Cố đấm ăn xôi, xôi lại hẩm

Cầm bằng làm mướn mướn không công.

Thân này ví biết dường này nhẽ

Thà trước thôi đành ở vậy xong.

Tóm lại, nổi bật trong bài thơ là hình ảnh bà Tú hiện thân của cuộc đời vất vả lận đận, là hội tụ của bao đức tính tốt đẹp: tần tảo, đảm đang, nhẫn nại... quên mình lo toan cho cuộc sống của chồng con.

Cảm nhận về bài thơ Thương vợ (Tú Xương)

Có một con người không xuất hiện trực tiếp là ông Tú, nhưng con mắt và trái tim của ông thì luôn luôn hiện hữu. Con mắt ông nhìn thấy rõ mọi nỗi đắng cay cực nhọc hàng ngày, và con tim thì thấu hiểu những nỗi cô đơn, tâm trạng âm thầm chịu đựng của bà. Bài thơ *Thương vợ* là một bản tự kiểm điểm, tự khiển trách hết sức chân thành và nghiêm khắc của Tú Xương. Mỗi lời thơ như một tiếng thở dài đau xót của một con người rất có ý thức trách nhiệm, nhưng bất lực. Đó là tấm lòng thương yêu cảm phục và biết ơn rất chân thành của người chồng đối với người vợ vì mình mà chịu nhiều đắng cay vất vả.